

Số: 1259/BVĐK-DUOC
V/v mời cung cấp báo giá thuốc

Ninh Bình, ngày 15 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các công ty sản xuất, kinh doanh.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm căn cứ xác định giá thị trường tại thời điểm mua sắm cho gói thầu Mua thuốc generic không lựa chọn được nhà thầu và thuốc khác sử dụng đến hết ngày 31/12/2026 tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình, Bệnh viện đề nghị Quý Công ty báo giá theo nội dung trong phụ lục đính kèm.

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. (Nếu có các vấn đề cần làm rõ, đề nghị liên hệ Bà Bùi Bích Ngọc, SĐT 0379.736.888 để được giải đáp)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Các công ty gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (ghi trên bao bì báo giá):

Bộ phận Văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

Đồng thời công ty báo giá gửi bản scan và file mềm vào địa chỉ email: **duocbvdknb@gmail.com**

Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email (thời điểm báo có thư đến).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Thư mời này được đăng tải công khai trên Website của bệnh viện và trang <https://muasamcong.mpi.gov.vn/>

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày 25/8/2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

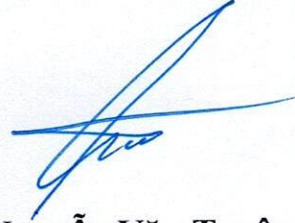
Danh mục yêu cầu báo giá và mẫu báo giá (có phụ lục kèm theo).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc BV (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, Dược.

KT. GIÁM ĐỐC 
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Tuyên

Phụ lục
DANH SÁCH THUỐC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời báo giá số 1259/BVĐK-DUOC ngày 15/8/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Công ty...

Địa chỉ...

Điện thoại...

Email...

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá hàng hóa như sau:

1. Báo giá cho thuốc sau:

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) VNĐ
1	b1	Lidocain	N1	10%/38g	Dùng ngoài	Thuốc hít định liều/phun mù định liều	Chai/Lọ/Ống/Túi	120	
2	b2	Proparacain hydroclorid	N1	5mg/ml x 15ml	Nhỏ mắt	Thuốc nhỏ mắt	Chai/Lọ/Ống/Túi	100	
3	b3	Celecoxib	N2	200mg	Uống	Viên nang	Viên	19.800	
4	b4	Ibuprofen	N1	400mg	Uống	Viên	Viên	76.000	
5	b5	Ketoprofen	N4	100mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.000	
6	b6	Ketorolac	N4	30mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	8.000	
7	b7	Meloxicam	N4	15mg	Uống	Viên	Viên	60.000	
8	b8	Paracetamol (acetaminophen)	N2	500mg	Uống	Viên	Viên	800.000	
9	b9	Amoxicilin	N3	500mg	Uống	Viên	Viên	134.000	
10	b10	Cefixim	N4	200mg	Uống	Viên	Viên	12.300	
11	b11	Ceftazidim	N4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	9.700	
12	b12	Netilmicin	N4	300mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	3.900	
13	b13	Ofloxacin	N5	200mg/100ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.900	
14	b14	Sulfasalazin	N4	500mg	Uống	Viên	Viên	21.400	
15	b15	Doxycyclin	N4	100mg	Uống	Viên nang	Viên	1.600	
16	b16	Vancomycin	N1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống/Túi	5.000	
17	b17	Fluconazol	N2	150mg	Uống	Viên nang	Viên	550	
18	b18	Flunarizin	N4	10mg	Uống	Viên	Viên	28.000	
19	b19	Cisplatin	N4	50mg/50ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.000	
20	b20	Gemcitabin	N1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.000	
21	b21	Oxaliplatin	N2	100mg/20ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	550	
22	b22	Tamoxifen	N1	10mg	Uống	Viên	Viên	21.000	
23	b23	Dutasterid	N4	0,5mg	Uống	Viên	Viên	2.400	
24	b24	Warfarin (muối natri)	N4	5mg	Uống	Viên	Viên	1.080	
25	b25	Filgrastim	N1	30MU/0,5ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	750	
26	b26	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	N3	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	30.100	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) VNĐ
27	b27	Irbesartan	N2	300mg	Uống	Viên	Viên	10.000	
28	b28	Methyldopa	N4	250mg	Uống	Viên	Viên	702.000	
29	b29	Ivabradin	N2	5mg	Uống	Viên	Viên	1.800	
30	b30	Acetylsalicylic acid + clopidogrel	N3	100mg + 75mg	Uống	Viên	Viên	62.000	
31	b31	Calcipotriol + betamethason	N4	(1,5mg + 15mg)/30g	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Tuýp	140	
32	b32	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	N4	800,4mg + 611,76mg + 80mg	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	27.300	
33	b33	Magnesi trisilicat + nhôm hydroxyd	N4	1,25g + 0,625g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	17.900	
34	b34	Omeprazol	N2	20mg	Uống	Viên nang	Viên	523.200	
35	b35	Drotaverin hydroclorid	N1	80mg	Uống	Viên	Viên	5.000	
36	b36	Lactulose	N1	10g/15ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Gói	21.500	
37	b37	Bacillus clausii	N4	10^7 - 10^8 CFU/250mg	Uống	Viên nang	Viên	53.900	
38	b38	Saccharomyces boulardii	N4	100mg (ứng với vi sinh sống $\geq 10^8$ CFU)	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	3.900	
39	b39	Octreotid	N1	0,1mg/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	7.200	
40	b40	Simethicon	N1	40mg/ml, 30ml	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Chai/Lọ/Ống/Túi	600	
41	b41	Glibenclamid + metformin hydroclorid	N2	5mg + 500mg	Uống	Viên	Viên	34.200	
42	b42	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	N1	1000IU/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	4.000	
43	b43	Insulin người tác dụng nhanh, ngắn	N5	1000IU/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	9.100	
44	b44	Insulin người tác dụng trung bình, trung gian	N1	1000IU/10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	8.200	
45	b45	Linagliptin	N2	5mg	Uống	Viên	Viên	150.000	
46	b46	Huyết thanh kháng uốn ván	N4	1500IU	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	9.600	
47	b47	Natri hyaluronat	N1	20mg/2ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	400	
48	b48	Oxytocin	N1	5IU/1ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	200	
49	b49	Haloperidol	N2	1,5mg	Uống	Viên	Viên	21.400	
50	b50	Meclofenoxate hydroclorid	N5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	41.300	
51	b51	Amitriptylin	N1	25mg	Uống	Viên	Viên	50.000	
52	b52	Acetyl leucin	N2	500mg	Uống	Viên	Viên	6.000	
53	b53	Citicolin	N2	500mg/4ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.800	

STT	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ hoặc hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (có VAT) VNĐ
54	b54	Panax notoginseng saponins	N5	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống/Túi	100	
55	b55	Piracetam	N2	400mg	Uống	Viên nang	Viên	211.000	
56	b56	N-acetylcystein	N2	200mg	Uống	Viên nang	Viên	275.000	
57	b57	Natri clorid + natri citrat + kali clorid + glucose khan	N4	(0,7g + 0,58g + 0,3g + 4g)/5,63g	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	15.000	
58	b58	Acid amin*	N4	10%/200ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	3.400	
59	b59	Acid amin*	N4	5%, 200ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	7.300	
60	b60	Natri clorid	N4	0,45%, 500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.450	
61	b61	Natri clorid + kali clorid + monobasic kali phosphat + natri acetat + magnesi sulfat + kẽm sulfat + dextrose	N4	500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	26.000	
62	b62	Nước cất pha tiêm	N4	500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	480	
63	b63	Calci carbonat + vitamin D3	N4	750mg + 200IU	Uống	Viên	Viên	60.600	
64	b64	Calci carbonat + vitamin D3	N1	1250mg + 125IU	Uống	Viên	Viên	128.500	
65	b65	Calcitriol	N4	0,5mcg	Uống	Viên nang	Viên	124.000	
66	b66	Botulinum toxin	N1	300U	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống/Túi	210	
Tổng số: 66 mặt hàng									

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí và các chi phí khác có liên quan để cung ứng hàng hóa đến Bệnh viện.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: (tối thiểu) 120 ngày kể từ ngày 25/8/2025

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.....tháng.....năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)